

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 484/2025/DS-ST

Ngày: 03/9/2025.

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Tốt.

2. Ông Nguyễn Văn Tiên.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 9 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 916/2024/TLST-DS ngày 29 tháng 10 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 376/2025/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 7 năm 2025 và Quyết định Hoàn phiên tòa số 1350/2025/QĐST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2025 giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng A

Địa chỉ trụ sở: đường L.H, thành phố H.N.

Người đại diện theo uỷ quyền: ông N.M.K – Có đơn xin xét xử vắng mặt;

Địa chỉ: đường C.T, Thành phố H.C.M. (Giấy uỷ quyền ký ngày 15/5/2025).

Bị đơn: ông T.Đ.T, sinh năm 1975 - Vắng mặt.

Địa chỉ: phường T.M.T, Thành phố H.C.M

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các biên bản hòa giải, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nguyên đơn Ngân hàng A trình bày:

Ngày 29/11/2023, ông T.Đ.T có ký với A Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản và dịch vụ ngân hàng điện tử với nội dung: Số tiền vay là 492.941.176 (bốn trăm chín mươi hai triệu chín trăm bốn mươi một nghìn một trăm bảy mươi sáu) đồng với mục đích phục vụ nhu cầu đời sống, thời hạn cho vay là 60 tháng, lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 19.7%/năm.

Từ ngày 05/02/2024, ông T.Đ.T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ vay cho A với tổng thời gian quá hạn tính đến hết ngày 03/9/2025 là 576 ngày. Dư nợ thực tế tạm tính đến hết ngày 03/9/2025 là: Nợ gốc là 492.941.176 (bốn trăm chín mươi hai triệu chín trăm bốn mươi một nghìn một trăm bảy mươi sáu) đồng; Nợ lãi trong hạn là 17.448.767 (mười bảy triệu bốn trăm bốn mươi tám nghìn bảy trăm sáu mươi bảy) đồng; Nợ lãi quá

hạn là 212.277.836 (hai trăm mười hai triệu hai trăm bảy mươi bảy nghìn tám trăm ba mươi sáu) đồng. Tổng là 722.667.779 (bảy trăm hai mươi hai triệu sáu trăm sáu mươi bảy nghìn bảy trăm bảy mươi chín) đồng.

Kể từ ngày được giải ngân tính đến ngày 03/9/2025 ông T.Đ.T đã thanh toán cho A số tiền, bao gồm: Gốc đã trả là 0 đồng; Lãi đã trả là 33.127.864 (ba mươi ba triệu một trăm hai mươi bảy nghìn tám trăm sáu mươi bốn) đồng. Tổng cộng 33.127.864 (ba mươi ba triệu một trăm hai mươi bảy nghìn tám trăm sáu mươi bốn) đồng.

Mặc dù A đã tạo điều kiện về thời gian cho ông T.Đ.T trả nợ, tuy nhiên không có phương án trả dứt nợ cho ngân hàng.

Do đó, A yêu cầu Tòa án: Buộc ông T.Đ.T phải trả ngay một lần, toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi và các khoản phát sinh liên quan theo hợp đồng nêu trên cho A tạm tính đến ngày 03/9/2025 tổng cộng là 722.667.779 (bảy trăm hai mươi hai triệu sáu trăm sáu mươi bảy nghìn bảy trăm bảy mươi chín) đồng do vi phạm các hợp đồng nêu trên. Trong đó tổng nợ gốc là 492.941.176 (bốn trăm chín mươi hai triệu chín trăm bốn mươi một nghìn một trăm bảy mươi sáu) đồng; Nợ lãi trong hạn là 17.448.767 (mười bảy triệu bốn trăm bốn mươi tám nghìn bảy trăm sáu mươi bảy) đồng; Nợ lãi quá hạn là 212.277.836 (hai trăm mười hai triệu hai trăm bảy mươi bảy nghìn tám trăm ba mươi sáu) đồng. Ngoài ra, ông T.Đ.T còn phải tiếp tục chịu lãi phạt, chậm trả theo đúng thỏa thuận trong văn bản tín dụng nêu trên cho đến ngày ông T.Đ.T thực tế thanh toán hết nợ cho A.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt văn bản tố tụng và triệu tập các đương sự tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn nhưng ông T.Đ.T liên tục vắng mặt và Tòa án cũng không nhận được bất kỳ văn bản trình bày ý kiến, yêu cầu của ông T.Đ.T đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

Ngân hàng A: Có đơn xin xét xử vắng mặt.

ông T.Đ.T: Vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 phát biểu ý kiến:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, thông qua việc kiểm sát thụ lý, lập hồ sơ vụ án và kiểm sát trực tiếp tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 có ý kiến như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng: Đúng trình tự, thủ tục pháp luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, Tòa án còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu ông T.Đ.T phải trả tiền nợ theo Hợp đồng tín dụng nên đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Theo kết quả xác minh của công an phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12 thì “ông T.Đ.T, sinh năm 1975, đăng ký thường trú tại phường T.M.T, Thành phố H.C.M. Hiện tại không có thực tế cư trú tại địa chỉ trên. Đã bán nhà”.

Tuy nhiên, tại thời điểm ký kết Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản và dịch vụ ngân hàng điện tử với A thì ông T.Đ.T đã xác định địa chỉ hiện tại là phường T.M.T, Thành phố H.C.M. A không biết địa chỉ nào khác của bị đơn, nên căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 5 và khoản 1 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, có cơ sở xác định đơn khởi kiện của nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của bị đơn mà người khởi kiện biết được gần nhất, tính đến thời điểm khởi kiện và được cơ quan có thẩm quyền cấp, xác nhận. Căn cứ điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân Tối cao thì việc ông T.Đ.T thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong hợp đồng tín dụng đã ký mà không thông báo cho A biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40 Bộ luật Dân sự 2015 được coi là cố tình giấu địa chỉ, nên xác định bị đơn có nơi cư trú cuối cùng tại địa chỉ phường T.M.T, Thành phố H.C.M. Căn cứ điểm a khoản Điều 35, và điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2]. Về sự có mặt của đương sự:

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

Sau khi thụ lý, Tòa án đã tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên Tòa cho bị đơn là ông T.Đ.T nhưng ông T.Đ.T đều vắng mặt. Điều này thể hiện bị đơn không hợp tác với Tòa án, làm cho vụ án bị kéo dài, gây ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Bị đơn đã tự tước bỏ quyền được trình bày ý kiến về việc giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Căn cứ theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2]. Về chứng cứ: Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc. Do đó, Tòa án giải quyết vụ kiện theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Yêu cầu trả nợ theo Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản và dịch vụ ngân hàng điện tử ký ngày 29/11/2023 giữa Ngân hàng A với ông T.Đ.T:

Căn cứ Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản và dịch vụ ngân hàng điện tử của ông T.Đ.T với số tiền cho vay là 492.941.176 (bốn trăm chín mươi hai triệu chín trăm bốn mươi một nghìn một trăm bảy

mười sáu) đồng với mục đích phục vụ nhu cầu đời sống, thời hạn cho vay là 60 tháng, lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 19.7%/năm.

A là pháp nhân được quyền ký kết các hợp đồng tín dụng theo giấy phép đăng ký kinh doanh. ông T.Đ.T và A giao kết hợp đồng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Hợp đồng được lập thành văn bản và có chữ ký của các bên. Căn cứ theo quy định tại các điều 117, 118, 119 và 463 của Bộ luật dân sự năm 2015; điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, hợp đồng nêu trên là hợp pháp, phù hợp về hình thức và nội dung, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa các bên theo nội dung các thỏa thuận.

Từ ngày 05/02/2024, ông T.Đ.T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ vay cho A với tổng thời gian quá hạn tính đến hết ngày 03/9/2025 là 576 ngày.

Căn cứ theo Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định: “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”. Xét thấy việc thỏa thuận lãi 19.7%/năm và lãi quá hạn là 150% lãi theo Hợp đồng giữa A và ông T.Đ.T là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật.

Căn cứ Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; điều 117, 118, 119 và 463 của Bộ luật dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông T.Đ.T thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật đối với số tiền tạm tính đến ngày 03/9/2025 là 722.667.779 (bảy trăm hai mươi hai triệu sáu trăm sáu mươi bảy nghìn bảy trăm bảy mươi chín) đồng do vi phạm các hợp đồng nêu trên. Trong đó tổng nợ gốc là 492.941.176 (bốn trăm chín mươi hai triệu chín trăm bốn mươi một nghìn một trăm bảy mươi sáu) đồng; Nợ lãi trong hạn là 17.448.767 (mười bảy triệu bốn trăm bốn mươi tám nghìn bảy trăm sáu mươi bảy) đồng; Nợ lãi quá hạn là 212.277.836 (hai trăm mười hai triệu hai trăm bảy mươi bảy nghìn tám trăm ba mươi sáu) đồng.

Ngoài ra, ông T.Đ.T còn phải tiếp tục chịu lãi phạt, chậm trả từ ngày 04/9/2025 theo thỏa thuận trong văn bản tín dụng nêu trên cho đến ngày thanh toán hết nợ cho A.

[4]. Về án phí: Yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn Ngân hàng A không phải chịu án phí. Bị đơn ông T.Đ.T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5]. Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7, Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 144, Khoản 1 Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ điều 117, 118, 119 và 463 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng A.

Buộc ông T.Đ.T phải thanh toán một lần, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, cho Ngân hàng A số tiền gốc và lãi còn nợ, theo Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 29/11/2023 bao gồm: Nợ gốc là 492.941.176 (bốn trăm chín mươi hai triệu chín trăm bốn mươi một nghìn một trăm bảy mươi sáu) đồng; Nợ lãi trong hạn là 17.448.767 (mười bảy triệu bốn trăm bốn mươi tám nghìn bảy trăm sáu mươi bảy) đồng; Nợ lãi quá hạn là 212.277.836 (hai trăm mười hai triệu hai trăm bảy mươi bảy nghìn tám trăm ba mươi sáu) đồng. Tổng là 722.667.779 (bảy trăm hai mươi hai triệu sáu trăm sáu mươi bảy nghìn bảy trăm bảy mươi chín) đồng.

Kể từ ngày 04/9/2025 ông T.Đ.T tiếp tục thanh toán lãi cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 29/11/2023.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí: ông T.Đ.T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 32.906.711 (ba mươi hai triệu chín trăm lẻ sáu nghìn bảy trăm mười một) đồng. Hoàn trả cho Ngân hàng A số tiền tạm ứng án phí là 13.080.900 (mười ba triệu không trăm tám mươi nghìn chín trăm) đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0049290 ngày 29/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 7;
- PTHADS Khu vực 7;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Minh Hà

